

Số: /GCN-SXD

Phú Yên, ngày tháng 5 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM**  
**CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Phú Yên, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Tổng Công ty Thành Trung – Công ty Cổ phần; Biên bản đánh giá ngày 17/5/2024 và Báo cáo số 46/BC-TCT ngày 27/5/2024 của Tổng Công ty Thành Trung – Công ty Cổ phần.

**CHỨNG NHẬN:**

1. Tổng Công ty Thành Trung – Công ty Cổ phần.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800756254, ngày 21 tháng 7 năm 2003; thay đổi lần thứ 19, ngày 22 tháng 12 năm 2022. Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: Thôn Lương Phước, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điện thoại: 02573 811855

Fax: 02573 811855

E-mail: tctthanhtrung@gmail.com

Website: thanhtrungtct.com.vn

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm, kiểm định chất lượng Miền Trung.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Thôn Lương Phước, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 44.003.**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Tổng Công ty Thành Trung – Công ty Cổ phần;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- GD và các PGĐ Sở XD;
- Lưu: VT, P6\_NVV.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Đồng**

# DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 44.003

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 5 năm 2024  
của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
<b>1</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>	
-	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
-	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011 (ISO 679:2009)
-	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
<b>2</b>	<b>THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>	
-	Thành phần cỡ hạt, modun độ lớn.	TCVN 7572-2:2006
-	Phương pháp xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006
-	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
-	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
-	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
-	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
-	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
-	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
-	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
-	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
-	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (LA)	TCVN 7572-12:2006
-	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:2006
-	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN7572-17:2006
-	Xác định hàm lượng bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
-	Xác định hàm lượng mica	TCVN7572-20:2006
-	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	AASHTO T176 ASTM D2419-91
-	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012
<b>3</b>	<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>	
-	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022

-	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
-	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
-	Phương pháp phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993
-	Phương pháp xác định hàm lượng bột khí	TCVN 3111:2022
-	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
-	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
-	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
-	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
-	Phương pháp xác định độ co	TCVN 3117:2022
-	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
-	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
-	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022
<b>4</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>	
-	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
-	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
-	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
-	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
-	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022
-	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa	TCVN 3121-10:2022
-	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022
-	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
<b>5</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM</b>	
-	Phương pháp xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
-	Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
-	Phương pháp xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
-	Phương pháp xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
-	Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
-	Phương pháp xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
-	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
-	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012
-	Thí nghiệm đầm nén	TCVN 12790:2020

-	Độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011 AASHTO T304
-	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
-	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
-	Xác định cường độ chịu kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
<b>6</b>	<b>THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN</b>	
-	Thử kéo	TCVN 197:2014 (ISO 6892:2009)
-	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005)
-	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
-	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010
-	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử kéo	TCVN 5403:1991 TCVN 197:2014
-	Thử kéo bulong	TCVN 1916:1995
-	Thử kéo mối nối ống ren thép cốt bê tông	TCVN 8163:2009 ISO 15835-2:2009
-	Ống kim loại: Thử kéo	TCVN 314:2008
-	Ống Kim loại: Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008
<b>7</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>	
-	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
-	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011
-	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
-	Xác định tỷ trọng rời lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
-	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
-	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
-	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
-	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
-	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
-	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011

-	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
-	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa.	TCVN 8860-12:2011
-	Xác định các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế cấp phối theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
-	Độ đồng đều của lượng nhựa tưới	TCVN 8809:2011
<b>8</b>	<b>NHỰA ĐƯỜNG, NHỰA ĐƯỜNG POLYME</b>	
-	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005
-	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005
-	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng-và-bi)	TCVN 7497:2005
-	Phương pháp thí nghiệm điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005
-	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005
-	Xác định độ hòa tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2005
-	Phương pháp xác định khối lượng riêng (phương pháp Picnometer)	TCVN 7501:2005
-	Phương pháp xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005
-	Chỉ số kim lún PI	ASTM D5 TCVN7495 AASHTO T49
-	Độ đàn hồi ở 25°C, mẫu kéo dài 10 cm	TCVN 11193:2017 ASTM D6084
-	Xác định độ ổn định lưu trữ	TCVN 11193:2017 ASTM D5892
<b>9</b>	<b>BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA</b>	
-	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	TCVN 12884-1:2020 TCVN 8735:2012 ASTM D5329
-	Thành phần hạt	TCVN12884-2:2020
-	Phương pháp xác định độ ẩm	TCVN12884-2:2020
-	Chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012
-	Lượng mất khi nung	ASTM D5329
-	Khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	ASTM D5329
-	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	ASTM D5329 TCVN 8735:2012
-	Hàm lượng chất hoà tan trong nước	ASTM D5329
-	Khối lượng, thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	ASTM D5329

-	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	ASTM D5329
-	Phương pháp xác định hệ số thích nước	TCVN12884-2:2020
<b>10</b>	<b>NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GÓC AXÍT</b>	
-	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
-	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
-	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:2011
-	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
-	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường.	TCVN 8817-15:2011
<b>11</b>	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>	
-	Phương pháp thí nghiệm khối lượng thể tích, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02-1971
-	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006
-	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước dài 3 mét	TCVN 8864:2011
-	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
-	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng benkelman	TCVN 8867:2011
-	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
-	Cống tròn bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; độ thấm; nén 3 cạnh	TCVN 9113:2012
-	Cống hộp bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; độ thấm; khả năng chịu tải của đốt cống	TCVN 9116:2012
-	Gối cống bê tông đúc sẵn: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; kích thước; khả năng chịu tải	TCVN 10799:2015
-	Hố thu nước mưa; Hồ ngăn mùi: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; kích thước; độ thấm; khả năng chịu tải	TCVN 10333-1:2014
-	Giếng thăm hình hộp: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; kích thước; khả năng chịu tải	TCVN 10333-2:2014
-	Nắp và song chắn rác: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; kích thước; khả năng chịu tải	TCVN 10333-3:2014
-	Hào kỹ thuật bê tông cốt thép: Kiểm tra ngoại quan khuyết tật nhãn mác; kích thước; độ vuông góc; khả năng chống thấm nước; khả năng chịu tải của đốt hào	TCVN 10332:2014
<b>12</b>	<b>GẠCH XÂY</b>	
-	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
-	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009

-	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
-	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
-	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
-	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
<b>13</b>	<b>GẠCH BÊ TÔNG</b>	
-	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
-	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2016
-	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
-	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
-	Xác định độ thấm	TCVN 6477:2016
<b>14</b>	<b>GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN</b>	
-	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
-	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
-	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
-	Độ mài mòn	TCVN 6415-6:2005
<b>15</b>	<b>GẠCH TERRAZO</b>	
-	Kiểm tra sai lệch kích thước và đánh giá ngoại quan	TCVN 7744:2013
-	Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
-	Xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013
-	Xác định độ mài mòn	TCVN 7744:2013
-	Xác định độ bền thời tiết	TCVN 7744:2013
-	Kiểm tra sai lệch kích thước và đánh giá ngoại quan	TCVN 7744:2013
<b>16</b>	<b>GẠCH ÓP LÁT, ĐÁ ÓP LÁT TỰ NHIÊN/NHÂN TẠO</b>	
-	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415:2016
-	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415:2016
-	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415:2016
-	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mosh	TCVN 6415:2016
-	Xác định độ mài mòn sâu	TCVN 6415:2016
-	Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016
-	Xác định độ bền rạn men	TCVN 6415:2016
-	Xác định độ hút nước	TCVN 6415:2016
<b>17</b>	<b>NƯỚC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>	
-	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:2012

-	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1998
-	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011
-	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 2671:1978
-	Xác định màu nước quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:2012
-	Xác định vẩn dầu mỡ quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:2012

**Ghi chú (\*)** - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

---